TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HS-PT
Ngày: 11-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Nguyễn Huỳnh Đức;

- *Các Thẩm phán*: Bà Nguyễn Thị Sang;

Ông Trương Văn Lộc.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà***: Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 56/2020/TLPT-HS ngày 6 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo Hồ Đại N. Do có kháng cáo của bị cáo Hồ Đại N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 26/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bình Dương.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Hồ Đại N, sinh năm 1986, tại tỉnh B; hộ khẩu thường trú: Số 107, đường N, khu 5, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn N (đã chết) và bà Trần Ánh T, sinh năm 1963; bị cáo có vợ tên Lê Thị Thanh T, sinh năm 1983 và 02 người con (lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/8/2019 đến ngày 17/9/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 bị cáo khác, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh L và Nguyễn Minh K là nhân viên giao hàng của Công ty bao bì V (gọi tắt là Công ty V), địa chỉ tại xã V, huyện B, thành phố H, còn Hồ Đại N là nhân viên bộ phận kho hàng của Công ty trách nhiệm hữu hạn M (Gọi tắt là Công ty M), địa chỉ tại Khu Công nghiệp V, thuộc khu 1, phường H, thành

phố T, tỉnh B. Do Công ty V và Công ty M có hợp đồng mua bán hàng hóa với nhau nên L và K nhiều lần đến giao hàng cho Công ty M và có quen biết với N.

Khoảng 09 giờ, ngày 16/02/2019, Nguyễn Thanh L điều khiển xe ô tô tải hiệu Isuzu, màu trắng, biển số 51LD-5553 chở Nguyễn Minh K đi từ Công ty V đến Công ty M để giao hàng là thùng carton và bao bì. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, L và K đến khu vực kho hàng của Công ty M gặp Hồ Đại N để tiến hành giao nhận hàng hóa. Sau khi giao nhận hàng xong, N nảy sinh ý định lấy trộm pallet bằng nhựa và màng co của Công ty M bán lấy tiền tiêu xài nên N rủ Lvà K cùng tham gia thì L và K đồng ý. N, L và K thống nhất lấy trộm pallet bằng nhựa và màng co vào thời điểm sau 17 giờ cùng ngày vì lúc này nhân viên bộ phận kho của Công ty đã ra về hết, chỉ còn N ở lại làm tại khu vực kho hàng (ca làm việc của N ngày 16/02/2019 là từ 12 giờ đến 20 giờ). Sau khi bàn bạc, L điều khiển xe ô tô tải hiệu Isuzu màu trắng, biển số 51LD-5553 chở Kính ra về để trả lại xe cho Công ty V, đồng thời L thuê 01 xe ô tô tải hiệu Isuzu, màu trắng, biển số 51D-156.42 của ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1987, cư trú tại ấp X, xã H, thị xã N, tỉnh H để chở K quay lại Công ty M.

Khoảng 17 giờ 50 cùng ngày 16/02/2019, Nguyễn Thanh L điều khiển xe ô tô tải hiệu Isuzu, màu trắng, biển số 51D-156.42 chở Nguyễn Minh K đến kho hàng của Công ty M. Lúc này, Hồ Đại N điều khiển xe chuyên dụng vận chuyển 22 (hai mươi hai) cái pallet bằng nhựa màu xanh và 05 (năm) thùng hàng, bên trong mỗi thùng có 06 (sáu) cuộn màng loại PE 2,1kg x 0,2kg (màng co) đến cửa kho hàng rồi cùng L và K bỏ tài sản lấy trộm được lên thùng xe ô tô tải hiệu Isuzu, màu trắng, biển số 51D-156.42. Sau đó, L và K đem tài sản vừa lấy trộm được đến bán tại tiệm thu mua phế liệu (không rõ tên và địa chỉ cụ thể) trên đường M– T, thành phố T, tỉnh B được số tiền 10.600.000 (mười triệu, sáu trăm nghìn) đồng rồi đi về Công ty M đưa lại số tiền trên cho N. N chia cho K số tiền 1.800.000 (một triệu tám trăm nghìn) đồng, chia cho L số tiền 1.800.000 (một triệu tám trăm nghìn) đồng và N trả nợ cho L số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng. Sau đó, L điều khiển xe ô tô tải hiệu Isuzu, màu trắng, biển số 51D-156.42 về trả cho ông G và trả tiền thuê xe là 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng, số tiền có được N, L, K đã tiêu xài hết.

Ngày 11/3/2019, Công ty M phát hiện bị mất trộm tài sản nên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố M để trình báo sự việc.

Căn cứ Biên bản định giá ngày 02/5/2019 và Bản kết luận định giá tài sản số 140/KLTS-TTHS ngày 02/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố M, kết luận:

- 22 (hai mươi hai) cái pallet nhựa màu xanh, trị giá 20.900.000 (hai mươi triệu, chín trăm nghìn) đồng.

- 30 (ba mươi) cuộn màng PE 2,1kg x 0,2kg (màng co), trị giá 2.739.000 (hai triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn) đồng.

Như vậy, tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 23.639.000 đồng (hai mươi ba triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn) đồng.

Ngày 29/5/2019, Hồ Đại N, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Minh K đã tự nguyện bồi thường số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng và 11 (mười một) cái pallet bằng nhựa cho Công ty M. Bà Huỳnh Thị Thu L, sinh năm 1976, cư trú tại số 237/77, đường N, Phường 11, quận B, Thành phố H là đại diện theo ủy quyền của Công ty M (theo Giấy ủy quyền ngày 11/3/2019) không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn bãi nại cho N, L và K.

Đối với 01 xe ô tô tải hiệu Isuzu, màu trắng, biển số 51D-156.42, quá trình điều tra, xác định: Xe ô tô tải trên do bà Phan Thị Ngọc C, sinh năm 1987, ngụ tại số F2/14, ấp 6B, xã V, huyện B, Thành phố H đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (bà C là vợ ông Nguyễn Trường G). Ngày 16/02/2017, ông Gcho Nguyễn Thanh L thuê xe ô tô tải trên để đi chở hàng. Việc L sử dụng chiếc xe ô tô trên để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội thì ông G và bà C hoàn toàn không biết. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố M không tiến hành thu giữ xe ô tô tải trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 26/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

Tuyên bố các bị cáo Hồ Đại N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hồ Đại N 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, khấu trừ thời hạn bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/8/2019 đến ngày 17/9/2019.

Bản án còn tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thanh L 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo; Nguyễn Minh K 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo cùng về tội "Trộm cắp tài sản". Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của bị cáo.

Ngày 02/3/2020, bị cáo Hồ Đại N có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về thời hạn kháng cáo, đơn kháng cáo của bị cáo Hồ Đại N đúng theo thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xem xét theo thủ tục phúc thẩm là đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật. Về nội dung, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Hồ Đại N 01 (một) năm tù theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo. Tuy nhiên, bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo rất ăn năn hối hận, bị cáo có có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, có con còn nhỏ, cha bị cáo tham gia dân công hỏa tuyến (nay đã chết), mẹ già yếu, gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 17 giờ 50 phút ngày 16 tháng 02 năm 2019, tại kho hàng của Công ty M, khu công nghiệp V, khu 1, phường H, thành phốT, tỉnh B, bị cáo Hồ Đại N cùng đồng phạm đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại Công ty M gồm 22 (hai mươi hai) cái pallet nhựa màu xanh, trị giá 20.900.000 (hai mươi triệu chín trăm nghìn) đồng và 30 (ba mươi) cuộn màng PE 2,1kg x 0,2kg (màng co), trị giá 2.739.000 (hai triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn) đồng. Như vậy, tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 23.639.000 đồng (hai mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi chín nghìn) đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Hồ Đại N về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Hồ Đại N: Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo kháng cáo cho rằng bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại và bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo. Bị cáo có con nhỏ, mẹ già cần chăm sóc. Bị cáo có nơi cư trú rõ nên nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Tòa án cấp sơ thẩm xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Hồ Đại N có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi và trả lại cho Công ty, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, bị cáo đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và hướng dẫn Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, tạo điều kiện cho bị cáo được tự cải tạo, sửa chữa bản thân, làm người có ích cho xã hội; đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong xử lý người phạm tội.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa nội dung của bản án sơ thẩm về phần hình phạt cho đúng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Hồ Đại N không phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1/ Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hồ Đại N; sửa quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 26/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bình Dương như sau:

Áp dụng khoản 1, Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Hồ Đại N 01 (một) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 11/5/2020).

Giao bị cáo Hồ Đại N về Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh B trực tiếp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo Hồ Đại N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Hồ Đại N không phải nộp.

3/ Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương; 1
- TAND thành phố M: 2
- VKSND thành phố M: 1
- Chi cục THADS thành phố M: 1
- Phòng PV06 - Công an tỉnh BD; 1
- Công an thành phố M: 2
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; 1
- Bị cáo; 1
- Ủy ban nhân dân phường Tương Bình Hiệp, thành phố M, tỉnh Bình Dương; 2
-Lưu: Tổ HCTP, HSVA, Tòa HS. 3

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Huỳnh Đức